

Số: 42/BC - UBND

Quảng Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022

Thực hiện Hướng dẫn số 420/UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2022; Kế hoạch cải cách hành chính xã năm 2022. Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về các hoạt động chỉ đạo, điều hành

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND xã về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 23/ KH- UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã về nâng cao chỉ số xếp loại cải cách hành chính năm 2022.

Được sự chỉ đạo của cấp trên, đặc biệt là Thường vụ Đảng ủy, HĐND xã trong 6 tháng đầu năm 2022, trên cơ sở kết quả đánh giá xếp loại chỉ số CCHC năm 2021 đối với UBND xã, UBND triển khai thực hiện các công tác cải cách hành chính theo Quyết định 3130/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh về Quy định đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Về tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC

Căn cứ các chỉ tiêu nhiệm vụ công tác cải cách hành chính đề ra trong năm 2022, hiện nay UBND xã cơ bản đã hoàn thành trên 70% nội dung công việc theo kế hoạch. Trong đó nhiệm vụ cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; công tác chỉ đạo điều hành và tuyên truyền; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Trên cơ sở của Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính huyện năm 2022; Kế hoạch cải cách hành chính xã năm 2022, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2022 về việc kiểm tra công vụ, kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2021; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2022 về việc kiểm tra công vụ kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thành lập Đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính về thi hành công vụ, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức và người lao động tại UBND xã năm 2022

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2022 của UBND xã về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2022. Thường xuyên chỉ đạo Bộ phận Văn hóa - Thông tin phối hợp với các bộ phận liên quan tuyên truyền phổ biến bằng nhiều hình thức như băng rôn, khẩu hiệu và trên hệ thống Đài truyền thanh; Bộ phận Văn phòng - Thống kê kịp thời đăng tải, cập nhật các quy định, thủ tục hành chính mới ban hành trên Trang Thông tin điện tử xã; chỉ đạo Bộ phận Tư pháp, Công an xã lồng ghép việc tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan về đổi mới hệ thống chính trị, cải cách lập pháp, cải cách tư pháp.

5. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, huyện giao

Thực hiện các ý kiến của đạo của UBND huyện giao công việc trên phần mềm trang điều hành tác nghiệp, UBND xã đã phân công cán bộ, công chức chuyên môn phụ trách tham mưu UBND xã xử lý các nội dung công việc trên phần mềm và báo cáo cấp trên, qua tổng hợp từ ngày 15/12/2021-05/6/2022 có 123 ý kiến chỉ đạo và đã thực hiện hoàn thành 75 ý kiến, còn lại 48 ý kiến quá hạn trong phần mềm xử lý giao việc, trong đó chưa thực hiện 14, đang thực hiện 8, đã hoàn thành 25, lưu tham khảo 01.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022, UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 11/02/2022 của UBND xã Ban hành văn bản QPPL năm 2022; Kế hoạch 29/KH-UBND ngày 11/02/2022 của UBND xã về thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 11/02/2022 của UBND xã về thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 31/KH-UBND của UBND xã về rà soát hệ thống văn bản QPPL năm 2022.

- Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND ban hành đều được soạn thảo theo quy định của Luật và dưới hình thức dự thảo rồi chuyển cho Bộ phận Tư pháp - Hộ tịch xã kiểm tra, rà soát và chuyển lên Phòng Tư pháp huyện thẩm định, góp ý. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được xem xét về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Từ ngày 15/12/2021 đến nay HĐND xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL. Đồng thời, UBND xã đã chỉ đạo thường xuyên đổi mới công tác tự kiểm tra và rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và đồng bộ các văn bản pháp luật của cấp

trên tại địa phương; tiến hành tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Thực hiện Kế hoạch số 01/KH - UBND ngày 05 /01/2022 của UBND huyện Quảng Điền về việc kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 08/KH - UBND ngày 11 /01/2022 của UBND huyện Quảng Điền về việc rà soát đánh giá thủ tục hành chính năm 2022, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 10/01/2022 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 17/01/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022. Trong 6 tháng đầu năm 2022 UBND xã chưa triển khai rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: 238 thủ tục; Trong 6 tháng đầu năm 2022, đã tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã với tổng số 1.358 hồ sơ thủ tục hành chính các loại, trong đó lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội 75 hồ sơ, lĩnh vực Địa chính - Xây dựng 4 hồ sơ, lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch 1.279 hồ sơ (lĩnh vực chứng thực 1.059 hồ sơ). Đa số các hồ sơ được giải quyết đúng hạn theo quy định. (Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trên dịch vụ công tập trung 330 hồ sơ, trong đó lĩnh vực LĐTB &XH 75 hồ sơ, lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch 267 hồ sơ, Địa chính - Xây dựng 04 hồ sơ. Có 21 hồ sơ quá hạn, trong đó lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội 17 hồ sơ, lĩnh vực Địa chính - Xây dựng 01 hồ sơ, lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch 03 hồ sơ).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện việc sắp xếp, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã theo tinh thần Nghị định số 34/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo quy định; Công văn 7190/UBND-NV ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh. Hiện nay tổng số cán bộ, công chức xã 21/22 biên chế; tổng số người hoạt động không chuyên trách 11 chức danh người hoạt động không chuyên trách xã, trong đó lĩnh vực quân sự 02 người đảm bảo theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động thường xuyên được quan tâm, việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đảm bảo đúng quy trình và dân chủ. Trong 6 tháng đầu năm đã đề xuất luân chuyển 01 chức danh Bí thư xã Đoàn qua chức danh công chức Văn phòng - Thống kê, 01 chức danh công chức Văn phòng - Thống kê sang chức danh Tư pháp - Hộ tịch và bổ nhiệm mới chức danh Bí thư xã đoàn nhiệm kỳ 2017-2022.

5. Cải cách tài chính công

- Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý sử dụng biên chế và kinh phí quản lý nhà nước, minh bạch về tài chính tại cơ quan từng bước được nâng cao góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước. UBND xã

xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hợp lý và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo theo kế hoạch cấp trên giao, thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết HĐND xã đề ra; thực hiện quy định về quản lý tài sản công.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 07/02/2022 về thực hiện CCHC gắn với chính quyền số trên địa bàn xã năm 2022. Tại kế hoạch đã đề ra 07 chỉ tiêu đó là. Phần đầu 100% VBQPPL do HĐND, UBND xã ban hành được rà soát, nhằm bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 15%; 100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các TTHC đặc thù); đảm bảo 100% thủ tục tiếp nhận trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung được số hóa cả đầu vào và đầu ra góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính. Phần đầu có ít nhất 80% TTHC được tiếp nhận và giải quyết theo phương châm “4 tại chỗ” tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; 100% cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm khi được phê duyệt; 100% cán bộ, công chức, lãnh đạo, quản lý dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ còn thiếu các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được bồi dưỡng theo quy định; 100% văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông đến cấp huyện (trừ các văn bản mật theo quy định); Phần đầu 50% người dân và doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt hợp nhất từ hệ thống Trung ương; 100% thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ứng dụng CNTT để quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Được sự quan tâm giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện; sự lãnh chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được thuận lợi.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác; chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên đáng kể, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, máy scan, máy đọc mã vạch, máy photocopy, máy tra cứu thông tin... tạo điều kiện trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được thuận lợi và chuyên nghiệp. Trong thời gian vừa qua việc giải quyết các hồ sơ cho tổ chức, công dân cơ bản đảm bảo đúng quy trình và thời gian quy định; đã thực hiện khá tốt việc lập sổ sách cũng như lập phiếu hẹn, phiếu chuyển hồ sơ để theo dõi tình hình tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức và công dân. *(có các phụ lục biểu mẫu thống kê kèm theo).*

2. Những hạn chế, khó khăn

- Các văn bản quy định về các lĩnh vực thủ tục hành chính thường xuyên sửa đổi, bổ sung và thay đổi; các lĩnh vực liên thông liên quan đến nhiều ngành cấp huyện nên thời gian trả hồ sơ còn chậm dẫn đến hồ sơ quá hạn.

- Một số cán bộ, công chức vẫn chưa thường xuyên sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh như: mail công vụ, quản lý văn bản và điều hành trong thực thi công vụ; công chức phụ trách công nghệ thông tin là kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trên dịch vụ công tập trung còn thấp hơn so với thực tế đã tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đối với tổ chức, công dân.

- Tỷ lệ xử lý các ý kiến chỉ đạo của UBND huyện và văn bản đi ký số trên phần trên trang điều hành tác tác nghiệp còn thấp.

- Một số công chức còn mới, chưa biết hết cách xử lý hồ sơ trên phần mềm nên tỷ lệ hồ sơ quá hạn còn cao.

IV. NHIỆM VỤ CCHC TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2022, Ủy ban nhân dân xã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới cụ thể như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động của “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại”, tạo sự hài lòng đối với tổ chức, công dân khi đến giao dịch giải quyết các thủ tục hành chính. Tăng cường tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân đến giao dịch công việc trên dịch vụ công tập trung; nâng cao tỷ lệ ký số văn bản đi trên môi trường điện tử.

3. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại UBND xã.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự thay đổi trong nhận thức đối với cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

5. Thực hiện tốt quy trình xây dựng văn bản và rà soát văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, kiểm soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

6. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương; thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức.

7. Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nêu gương chấp hành quy định không uống rượu, bia trong giờ hành chính, giờ làm việc và khi lái xe; Công văn số 249/UBND, ngày 09/02/2022 của UBND huyện Quảng Điền về việc đẩy mạnh việc thực thi công vụ, chấp hành

kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị cấp trên quan tâm bố trí, tuyển dụng thêm 01 chức danh công chức chuyên môn còn thiếu đối với UBND xã.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2022 của UBND xã Quảng Phước./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;
 - Ban Thường vụ Đảng ủy;
 - Thường trực HĐND xã;
 - Chủ tịch, các PCT UBND xã;
 - Các ban ngành UBND xã;
 - Lưu VT.
- } (Đề b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Châu

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	06	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	71	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	05	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>		
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>		
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		

4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	123	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	75	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	33	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	172	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	01	Nghị quyết KT-

			XH năm 2022
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	
3.	Rà soát VBQPPL		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.1.1.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.1.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	238	UBND cấp xã báo cáo
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp xã báo cáo
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	Hồ sơ		
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	Hồ sơ		

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn cấp huyện đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.2.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn		

		vị		
1.2.2	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		

1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.			
4.3.	Số công chức cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	00	
4.5.	Số cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	00	

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12 /UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		

1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 12/UBND ngày 07/02/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		

3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%		
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện			
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	70	UBND cấp xã báo cáo
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		

6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>		
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>		
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		